

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 6 CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **16/2022/HS-ST**

Ngày: 25/3/2022

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 6, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thùy Liên.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Vũ Ngọc Lan.

Bà Phạm Thị Kim Hoàng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Đức - Thư ký Tòa án nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 3 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 12/2022/TLST-HS ngày 25 tháng 02 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 15/2022/QĐXXST-HS ngày 01 tháng 3 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 09/2022/HSST-QĐ ngày 15 tháng 3 năm 2022 đối với bị cáo:

Nguyễn Ngọc T1 (tên thường gọi là Tiên); Sinh ngày: 29/7/1997; Tại: Thành phố Hồ Chí Minh; Thường trú: 297/38 đường HG, Phường E, quận F, Thành phố Hồ Chí Minh; Nghề nghiệp: Không; Trình độ văn hóa: 6/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Nguyễn Văn L (chết) và bà: Lâm Ngọc T; Có chồng: Không rõ và con: Có 02 người con, lớn sinh năm 2014, nhỏ sinh năm 2016; Tiền án: Không; Tiền sự: Không; Bị bắt, tạm giam ngày 18/11/2021.

(bị cáo có mặt tại phiên tòa)

- Bị hại:

Ông Lê Phước T2; Sinh năm: 1995; Trú tại: 169/12 đường BV, phường PNL, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

(vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Ngọc T1 và ông Lê Phước T2 là bạn bè quen biết nhau từ trước. Khoảng 14 giờ ngày 26/6/2021, tại phòng trọ của T1 - số 210/68 đường ADV, Phường P, Quận H (lúc này có mặt Dương Hoàng Q và T3), T1 sử dụng ứng dụng Messenger liên lạc với ông T2 và nhờ ông T2 mua cơm. Trong lúc nói chuyện, ông T2 hỏi T1 mượn 1.000.000 đồng, T1 đồng ý và hẹn ông T2 qua phòng trọ của T1. Biết ông T2 có chiếc xe gắn máy hiệu Honda Vision, nên T1, Q, T3 bàn với nhau là khi ông T2 qua, Q sẽ giả vờ mượn xe của ông T2 để chở T1 về nhà lấy tiền cho ông T2 mượn nhằm chiếm đoạt chiếc xe này bán lấy tiền tiêu xài và sau khi thống nhất, Q đã liên lạc với người mua xe để thỏa thuận việc bán chiếc xe của ông T2. Đến 16 giờ cùng ngày, ông T2 điều khiển xe gắn máy hiệu Honda Vision màu đồng-nâu, biển số 59T2-445.49 đến phòng trọ thì gặp T1, Q. Như đã bàn, Q hỏi mượn xe của ông T2 chở T1 về nhà lấy tiền cho ông T2 mượn, do không quen Q nên ông T2 từ chối. Thấy vậy, T1 nói ông T2 chở T1 đi, ông T2 đồng ý và chở T1 đến trước nhà số 51B đường MP, Phường E, quận F. Tại đây, T1 hỏi ông T2 mượn chiếc xe để về nhà mẹ ruột ở 297/38 đường HG, Phường E, quận F lấy tiền cho ông T2 mượn. Tin thật, ông T2 đã giao chiếc xe cho T1. T1 lấy xe chạy đến chỗ Q đang đứng đợi tại trước nhà số 210 đường ADV, Phường P, Quận H. Sau đó, cả hai cùng đem xe đến công chợ PL thuộc Phường M, Quận F bán cho hai người thanh niên (không rõ lai lịch) mà Q đã hẹn trước đó lấy 8.000.000 đồng tiêu xài.

Về phần ông T2, sau khi chờ không thấy T1 quay lại liền đến nhà mẹ ruột T1 tìm thì được bà Lâm Ngọc T (mẹ T1) cho biết T1 không về nhà, điện thoại thì T1 không nghe máy, biết mình bị lừa nên ông T2 đã đến Công an Phường 5, quận 6 trình báo sự việc.

Qua truy xét, Cơ quan điều tra Công an Quận 6 phát hiện Nguyễn Ngọc T1 đang có mặt tại phòng trọ số 945/33 đường KDV, phường AL, quận BT nên đưa về trụ sở làm việc. Qua đấu tranh, T1 khai nhận đã thực hiện hành vi nêu trên.

Cơ quan điều tra tiến hành cho ông Lê Phước T2 nhận dạng người qua hình ảnh và ông T2 xác định Nguyễn Ngọc T1 chính là người đã chiếm đoạt chiếc xe của ông vào chiều ngày 26/6/2021.

Theo hai Biên bản xét nghiệm chất ma túy ngày 08 tháng 7 năm 2021 của Trạm y tế Phường 7, Quận 6 và ngày 18 tháng 11 năm 2021 của Trạm y tế Phường 5, Quận 6, Nguyễn Ngọc T1 dương tính với ma túy (chất dạng Methamphetamine).

Tại Kết luận định giá tài sản số: 139/KL-HĐĐGTS ngày 08 tháng 7 năm 2021, Hội đồng định giá tài sản thường xuyên trong tổ tụng hình sự Quận 6 đã kết luận trị giá của chiếc xe gắn máy hiệu Honda Vision màu đồng-nâu, biển số 59T2-445.49, số khung 5836LZ539849, số máy JF86E5275040 (tình trạng sử dụng còn khoảng 80%) tại thời điểm ngày 26/6/2021 là: 28.000.000 đồng.

Ngày 04 tháng 11 năm 2021, Cơ quan điều tra Công an Quận 6 ra Quyết định khởi tố vụ án hình sự (Quyết định số: 199/QĐ-ĐCSHS); khởi tố bị can đối

với Nguyễn Ngọc T1 về tội «Lừa đảo chiếm đoạt tài sản» (Quyết định số: 105/QĐ-ĐCSHS).

Đối với Q và người tên T3 (tên thường gọi là Pé Bo), cùng ngày 20/7/2021 Cơ quan điều tra Công an Quận 6 đã ra thông báo truy tìm (Thông báo số: 74/TBTT-HS và số: 76/TBTT-HS), khi nào bắt được các đối tượng này điều tra làm rõ giải quyết sau.

Còn hai người thanh niên mua xe của Nguyễn Ngọc T1 tại trước cổng chợ PL, Phường M, Quận F, Cơ quan điều tra không xác định được lai lịch.

Tại Cáo trạng số: 15/CT-VKS-Q6 ngày 24 tháng 02 năm 2022, Viện kiểm sát nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố bị cáo Nguyễn Ngọc T1 về tội «Lừa đảo chiếm đoạt tài sản» theo quy định tại khoản 1 Điều 174 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa: Bị cáo Nguyễn Ngọc T1 khai nhận chính bị cáo với ý định phạm tội có từ trước đã cùng Q và T3 thực hiện hành vi chiếm đoạt chiếc xe gắn máy hiệu Honda Vision màu đồng-nâu (bị cáo không nhớ biển số) của ông Lê Phước T2 tại trước nhà số 51B đường MP, Phường E, quận F vào chiều ngày 26/6/2021 như nội dung bản cáo trạng nêu và bị cáo đồng ý bồi thường theo yêu cầu của ông T2.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 6 giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo Nguyễn Ngọc T1 như bản cáo trạng và sau khi phân tích tính chất, mức độ hành vi phạm tội, nhân thân của bị cáo cùng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo đã đề nghị Hội đồng xét xử:

Phạt bị cáo Nguyễn Ngọc T1 từ 09 tháng đến 01 năm tù về tội «Lừa đảo chiếm đoạt tài sản» theo khoản 1 Điều 174; điểm i, điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Không phạt tiền đối với bị cáo, do bị cáo không có khả năng thi hành.

Về bồi thường thiệt hại: Buộc bị cáo Nguyễn Ngọc T1 bồi thường cho ông Lê Phước T2 trị giá chiếc xe gắn máy hiệu Honda Vision màu đồng-nâu, biển số 59T2-445.49 là 25.000.000 đồng.

Về xử lý vật chứng: Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước 01 chiếc điện thoại di động hiệu Oppo F9 màu xanh phỉ thúy, dung lượng 64Gb, Imei 1: 866376047340812, Imei 2: 866376047340804.

Lời nói sau cùng, bị cáo Nguyễn Ngọc T1 nhận thức được hành vi của bị cáo là sai, là vi phạm pháp luật nên không tranh luận mà chỉ xin Hội đồng xét xử phạt bị cáo mức án nhẹ nhất để bị cáo sớm trở về với gia đình, có cơ hội làm lại cuộc đời.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi và quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an Quận 6, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân Quận 6, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại, người làm chứng không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, của người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Đối chiếu lời khai của bị cáo Nguyễn Ngọc T1 tại phiên tòa với Biên bản tạm giữ đồ vật, tài liệu; Kết luận định giá tài sản số: 139/KL-HĐĐGTS ngày 08/7/2021 của Hội đồng định giá tài sản thường xuyên trong tố tụng hình sự Quận 6; lời khai của bị hại Lê Phước T2 và của người làm chứng tại Cơ quan điều tra cùng những tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận bị cáo Nguyễn Ngọc T1 đã phạm tội «Lừa đảo chiếm đoạt tài sản». Tội phạm và hình phạt được quy định tại Điều 174 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Biết ông Lê Phước T2 có chiếc gắn máy hiệu Honda Vision, nên bị cáo Nguyễn Ngọc T1 cùng Dương Hoàng Q và T3 bàn với nhau tìm cách chiếm đoạt. Để thực hiện ý định, bị cáo hẹn ông T2 đến phòng trọ của bị cáo tại số 210/68 đường ADV, Phường P, Quận H. Tại đây, bị cáo giả vờ kêu ông T2 cho mượn xe để Q chở bị cáo về nhà lấy tiền cho ông T2 mượn (trước đó ông T2 có nhắn tin hỏi bị cáo mượn 1.000.000 đồng), do không quen Q nên ông T2 từ chối. Thấy vậy, bị cáo nói ông T2 chở bị cáo đi. Khi ông T2 chở bị cáo chạy đến trước nhà số 51B đường MP, Phường E, quận F thì bị cáo kêu ông T2 cho mượn xe để bị cáo chạy vào nhà mẹ ruột tại địa chỉ 297/38 đường HG, Phường E, quận F lấy tiền cho ông T2 mượn. Tin thật, ông T2 đã giao chiếc xe gắn máy hiệu Honda Vision màu đồng-nâu, biển số 59T2-445.49 trị giá 28.000.000 đồng cho bị cáo và bị cáo đã chiếm đoạt chiếc xe này. Trong vụ án, theo lời khai của bị cáo thì bị cáo đã cùng Q, Trâm bàn bạc thống nhất ý chí (bị cáo là người chủ động hẹn ông T2 và tìm cách chiếm đoạt xe của ông T2, Q tìm người mua xe và đứng ra thỏa thuận việc bán xe, sau đó nhận tiền đem về đưa cho T3 cất giữ tiêu xài chung). Tuy nhiên, hiện Q và T3 đã bỏ trốn nên Cơ quan điều tra chưa ghi được lời khai của hai người này để làm rõ tính tổ chức, làm rõ vai trò đồng phạm cũng như sự phân công bàn bạc, sự câu kết chặt chẽ giữa những người cùng thực hiện tội phạm. Do đó, Viện kiểm sát nhân dân Quận 6 truy tố bị cáo Nguyễn Ngọc T1 về tội «Lừa đảo chiếm đoạt tài sản» thuộc trường hợp «tài sản bị chiếm đoạt trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng» theo quy định tại khoản 1 Điều 174 của Bộ luật hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017, là có căn cứ và đúng quy định của pháp luật.

Hành vi của bị cáo Nguyễn Ngọc T1 không những đã xâm phạm đến tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ mà còn gây ảnh hưởng xấu đến trật tự, trị an chung.

Bị cáo Nguyễn Ngọc T1 là người đã trưởng thành, bị cáo hoàn toàn có đủ khả năng nhận thức được hành vi dùng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt tài sản của người khác là hành vi nguy hiểm cho xã hội và được quy định trong Bộ luật hình sự, nhưng do tham lam, lười lao động, chỉ vì muốn có tiền tiêu xài và mua ma túy sử dụng để thỏa mãn cơn nghiện mà bị cáo đã bất chấp pháp luật, cố tình thực hiện hành vi phạm tội nêu trên, nên bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự về hành vi phạm tội của mình.

[3] Xét hành vi phạm tội của bị cáo Nguyễn Ngọc T1 đã hoàn thành, việc bị phát hiện bắt giữ là hoàn toàn ngoài ý muốn của bị cáo, do đó Hội đồng xét xử thấy cần phạt bị cáo một mức án nghiêm khắc tương xứng mới có tác dụng giáo dục đối với bị cáo và để phòng ngừa chung. Tuy nhiên, xét bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; tại Cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa đều có thái độ thành khẩn khai báo. Sau sự việc xảy ra, bị cáo đã tự nguyện bồi thường một phần nhỏ thiệt hại nhằm khắc phục hậu quả do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra, nên Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo khi lượng hình tùy theo tính chất, mức độ, vai trò tham gia phạm tội của bị cáo theo quy định tại điểm i, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[4] Những nhận định trên cũng là căn cứ để chấp nhận một phần quan điểm luận tội của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa.

[5] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 174 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017, thì bị cáo Nguyễn Ngọc T1 còn có thể bị phạt tiền từ 10 triệu đồng đến 100 triệu đồng. Tuy nhiên, theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của bị cáo tại phiên tòa cho thấy bị cáo là lao động tự do, không có thu nhập, điều kiện kinh tế còn khó khăn. Vì vậy Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[6] Việc bồi thường thiệt hại: Bị cáo Nguyễn Ngọc T1 đã chiếm đoạt và làm thiệt hại của ông Lê Phước T2 01 chiếc xe gắn máy hiệu Honda Vision màu đồng-nâu, biển số 59T2-445.49, số khung 5836LZ539849, số máy JF86E5275040 trị giá 28.000.000 đồng. Quá trình điều tra, bị cáo đã bồi thường cho ông T2 3.000.000 đồng, còn thiệt hại 25.000.000 đồng và ông T2 yêu cầu bị cáo phải có trách nhiệm bồi thường số tiền này cho ông. Xét yêu cầu của ông T2 là có cơ sở và bị cáo cũng đồng ý bồi thường, nên Hội đồng xét xử chấp nhận theo quy định tại khoản 1 Điều 48 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 và các điều 584, 585, 586, 589 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Kể từ ngày ông Lê Phước T2 có đơn yêu cầu thi hành án bị cáo Nguyễn Ngọc T1 chậm trả số tiền nêu trên thì hàng tháng, bị cáo Nguyễn Ngọc T1 còn phải trả ông Lê Phước T2 khoản lãi phát sinh đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại Điều 357 của Bộ luật dân sự năm 2015.

[7] Việc xử lý vật chứng: Phương tiện mà bị cáo Nguyễn Ngọc T1 dùng vào việc phạm tội là 01 chiếc điện thoại di động hiệu Oppo F9 màu xanh phi

thủy, dung lượng 64Gb, Imei 1: 866376047340812, Imei 2: 866376047340804, Hội đồng xét xử tịch thu, sung vào ngân sách nhà nước theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự năm 2015 và điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự.

(theo Phiếu nhập kho vật chứng số: 81/PNK ngày 20 tháng 7 năm 2021 và Biên bản giao, nhận vật chứng ngày 07 tháng 3 năm 2022 của Công an Quận 6; Quyết định chuyển vật chứng số: 14/QĐ-VKS-Q6 ngày 24 tháng 02 năm 2022 của Viện kiểm sát nhân dân Quận 6)

[8] Theo lời khai của bị cáo Nguyễn Ngọc T1 thì còn có Dương Hoàng Q và người tên T3 (Pé Bo) cùng bị cáo thực hiện hành vi phạm tội, nhưng Q và T3 hiện đã bỏ trốn. Cùng ngày 20/7/2021, Cơ quan điều tra Công an Quận 6 đã ra thông báo truy tìm các đối tượng này. Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát đề nghị lúc nào bắt được Dương Hoàng Q và T3 điều tra làm rõ giải quyết sau, do đó Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

Còn hai người thanh niên mà bị cáo Nguyễn Ngọc T1 khai mua xe của bị cáo, do bị cáo khai không rõ nhân thân lai lịch, nên không có cơ sở điều tra làm rõ, do đó Hội đồng xét xử không đề cập xử lý.

[9] Bị cáo Nguyễn Ngọc T1 phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 135 của Bộ luật tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Tuyên bố bị cáo **Nguyễn Ngọc T1** (Tiên) phạm tội: «Lừa đảo chiếm đoạt tài sản».

- Căn cứ khoản 1 Điều 174; Điều 17; Điều 58; điểm i, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 50 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

- Xử phạt bị cáo **Nguyễn Ngọc T1** (Tiên) 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 18/11/2021.

- Căn cứ khoản 1 Điều 48 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 và các điều 584, 585, 586, 589 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Buộc bị cáo Nguyễn Ngọc T1 bồi thường cho ông Lê Phước T2 25.000.000 (hai mươi lăm triệu) đồng.

Kể từ ngày ông Lê Phước T2 có đơn yêu cầu thi hành án bị cáo Nguyễn Ngọc T1 chậm trả số tiền nêu trên thì hàng tháng, bị cáo Nguyễn Ngọc T1 còn phải trả ông Lê Phước T2 khoản lãi phát sinh đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại Điều 357 của Bộ luật dân sự năm 2015.

- Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 và điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự.

Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước 01 (một) chiếc điện thoại di động hiệu Oppo F9 màu xanh phỉ thúy, dung lượng 64Gb, Imei 1: 866376047340812, Imei 2: 866376047340804.

- Căn cứ khoản 2 Điều 135 của Bộ luật tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Bị cáo Nguyễn Ngọc T1 phải chịu 200.000 (hai trăm ngàn) đồng án phí hình sự sơ thẩm và 1.250.000 (một triệu hai trăm năm mươi ngàn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

- Bị cáo Nguyễn Ngọc T1 có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Đối với bị hại Lê Phước T2 vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày được tổng đạt hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- VKSND Quận 6;
- Công an Quận 6;
- TAND Tp. Hồ Chí Minh;
- Công an Tp. Hồ Chí Minh (Phòng PV06);
- Chi cục THADS Quận 6;
- Sở Tư pháp Tp. Hồ Chí Minh;
- Bị cáo;
- Bị hại.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Thùy Liên